

TƯ TƯỞNG R. TAGORE VỀ QUAN HỆ GIỮA DÂN TỘC VÀ NHÂN LOẠI TRONG VĂN HÓA HIỆN ĐẠI

NGUYỄN VĂN HẠNH*

Vừa tròn một thế kỷ, kể từ khi Rabindranath Tagore (1861 -1941) trở thành người châu Á đầu tiên được trao tặng giải Nobel văn học (1913). Đó là sự thừa nhận mang tính toàn cầu tài năng và tư tưởng của R. Tagore. Nó đặt ông vào một vị trí rõ ràng hơn trong đời sống tinh thần nhân loại thế kỷ XX với tư cách là người đã phục hưng những giá trị tinh thần truyền thống Ấn Độ, góp phần rút ngắn khoảng cách giữa hai nền văn hóa Đông - Tây, buộc nhân dân Ấn Độ đi ra khỏi thói quen tư duy, hướng tới một cái nhìn lớn lao mang tầm nhân loại. Con người ông, tài năng, tư tưởng của ông đã thuộc về nhân loại. Theo cách nói của triết gia Albert Schweitzer, “Trong bản hoà tấu hùng vĩ của tư tưởng R. Tagore, những hoà âm và những biến khúc là của Ấn Độ, nhưng chủ đề lại kết thân với các chủ đề của tư tưởng châu Âu”¹. Đời sống, trong bản chất của nó là vận động biến đổi không ngừng. Tính tích cực chủ động và đóng góp của những tài năng cho tiến trình vận động của văn hoá nhân loại là ở chỗ, nắm bắt được quy luật và tác động thúc đẩy sự phát triển của nó. Đóng góp của R. Tagore cho văn hóa, văn học thế kỷ XX trước hết là ở đó.

Là một nghệ sĩ, đồng thời là một nhà tư tưởng lớn của Ấn Độ thế kỷ XX, nhưng thực tế, R. Tagore rất ít bàn về tư tưởng. Tư tưởng của ông thấm một cách tự nhiên, nhuần nhuyễn vào những sáng tạo nghệ

thuật, được nghệ thuật hoá. Ở ông, trí và hành, đạo và đời, tư tưởng và hành động đã thông nhất làm một. Tác phẩm thể hiện một cách có hệ thống và tập trung nhất quan điểm tư tưởng của R. Tagore là *Thực hiện toàn mãn* (Sadhana), tập hợp những bài giảng của ông ở trường Santiniketan trong ba năm (1906 - 1909), sau đó là ở trường Harvard và nhiều trường đại học danh tiếng ở phương Tây. Tác phẩm được ông dịch ra tiếng Anh và xuất bản vào năm 1913. Ngoài ra, ông còn có một số bài viết ngắn, như: *Tôn giáo con người* (The Religion of Man), *Một cái nhìn lịch sử Ấn Độ* (A Vision of India's History), *Nghệ thuật là gì* (What is art ?), *Trung tâm văn hoá Ấn Độ* (The Centre of Indian Culture); một số bài phát biểu ở nước ngoài, hồi ký, những bức thư R. Tagore gửi những nhà văn hoá, những chính khách Đông - Tây. Ở đó, ông luôn thể hiện một tinh thần Ấn Độ, không chỉ coi trọng tín ngưỡng mà cả sự hoài nghi, ngay cả những điều từng được xem là chân lý. Ông đối thoại với các nhà hiền triết, những bậc thánh nhân đã đánh dấu buổi bình minh của nền văn minh Ấn Độ. Và cũng tinh thần ấy, tâm thế ấy, ông đối thoại với những nhà tư tưởng phương Tây trong thời hiện đại, nhằm tìm kiếm một sự hài hoà cho các lý tưởng Đông, Tây; dân tộc, nhân loại; truyền thống, hiện đại, mở rộng các cơ sở của chủ nghĩa dân tộc Ấn Độ.

* PGS.TS. Trường Đại học Vinh.

Vào đầu thế kỷ XIX, phương Tây đã bước vào thời hiện đại với những thành tựu rực rỡ của khoa học, kỹ thuật và đang tiến những bước dài trên con đường hiện đại hoá. Trong khi đó, Ấn Độ vẫn chìm trong đêm trường trung cổ, trì trệ, tách biệt với phần còn lại của thế giới. Gánh nặng quá khứ, bao gồm cả cái tốt và cái xấu, là hết sức nặng nề. Như một thứ hôn mê, nó đẩy văn hoá Ấn Độ rơi vào cuộc khủng hoảng và có nguy cơ bị đồng hoá trước làn sóng xâm lăng ngày càng mạnh mẽ của văn hoá phương Tây. Xung đột văn hoá đã xuất hiện, và ngày càng trở nên sâu sắc. Về cơ bản, đó là xung đột giữa các quan niệm, các giá trị văn hoá, giữa yếu tố nội sinh và yếu tố ngoại lai, giữa truyền thống và hiện đại. Thực tế đó đòi hỏi phải có một cuộc cách mạng, trước hết là trong tư tưởng, đưa văn hoá Ấn Độ thoát khỏi tình trạng bế tắc, hội nhập vào thế giới hiện đại. Nhiều nhà tư tưởng có đầu óc cấp tiến đã xuất hiện, với những tên tuổi lớn như Raja Rammohun Roy (1774-1833), Debendranath Tagore (1817-1905), Keshab Chandra Sen (1838-1884), Dayanand Sarasvati (1824-1833), Rama Kritshna (1834-1886), Svamin Vivekananda (1862-1902), Bal Gandhar Tilak (1855-1920), R.Tagore (1861-1941), Mahatma Gandhi (1869-1948), Aurobindo Ghose (1871-1950). Theo cách nói của bà Indira Gandhi, họ là “những người Ấn Độ nhất”. Trong số đó, R. Tagore “đã vượt cao trên tất cả... dần dần đạt tới đỉnh cao không ai thách thức được”² trở thành “người dẫn đường” (J. Nehru), nhà khai sáng của thời kỳ phục hưng Ấn Độ.

Là một đất nước rộng lớn, nhiều chủng tộc, Ấn Độ có nền văn hoá phong phú, giàu bản sắc được kiến tạo trên cái nôi của nền

văn minh sông Ấn - một trong những nền văn minh cổ xưa nhất của nhân loại. Đó là lợi thế, và cũng là khó khăn của Ấn Độ trong quá trình hội nhập vào thế giới hiện đại. Cũng như nhiều nước ở phương Đông, ở Ấn Độ niềm kiêu hãnh tự hào về truyền thống luôn gắn liền với nỗi sợ hãi về sự tràn ngập những yếu tố ngoại lai. Hậu quả của nó là trong suốt nhiều thế kỷ, Ấn Độ đã tự cô lập mình, ngăn cản những ý niệm của mình hướng ra bên ngoài. Các giá trị văn hoá ngày càng bị tổn thương và có nguy cơ bị xói mòn. Trong hoàn cảnh đó, nhận thức, lý giải về sự tương đồng, khác biệt trong văn hoá Đông - Tây có một ý nghĩa hết sức đặc biệt. Nó là cơ sở để tìm kiếm sự hài hoà cho các lý tưởng Đông - Tây, loại bỏ tư tưởng kỳ thị và các cuộc xâm lăng văn hoá. Tuy nhiên, việc kiếm tìm giải pháp cho sự hài hoà các lý tưởng Đông - Tây, dân tộc - nhân loại, lại tiềm ẩn những quan điểm bất đồng, mà trước hết là trong thái độ đối với văn hoá Ấn Độ truyền thống và văn hoá phương Tây. Nhiều khuynh hướng tư tưởng mang màu sắc cực đoan đã xuất hiện. Điều đó càng làm cho cuộc khủng hoảng trở nên trầm trọng và tồi tệ hơn. Vượt lên những người cùng thời, R. Tagore đã hướng tới một lý tưởng hoà hợp với tinh thần "cả thế giới là nhà của tôi". Mục đích của ông là tìm kiếm một sự hài hoà cho các giá trị. Triết lý hoà hợp trong tinh thần Ấn Độ đã được ông cụ thể hoá thành nguyên tắc ứng xử căn bản trong các quan hệ văn hoá, nhằm đạt được sự hài hoà giữa quá khứ và hiện tại, phương Đông và phương Tây, dân tộc và nhân loại. R. Tagore luôn đặt mình vào một không khí tự do, một thứ tự do tuyệt đối trong tinh thần, tư tưởng. Và với ông, chỉ có thứ tự do ấy mới kiếm tìm được chân lý.

Việc phục hưng tinh thần Ấn Độ trong giới hạn của một chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, theo R. Tagore, là không thể. Vượt lên những cái nhìn chật hẹp, thiên cận, R. Tagore đã hướng tới một nền văn hoá, mà ở đó mọi dân tộc đều có phần cho đi và lấy lại, như biển cả và những dòng sông. Năm 1916, trong bài *Tâm hồn Nhật* đọc tại trường Đại học Tokyo, ông viết: "Trách nhiệm của mỗi dân tộc là phải thể hiện cho thế giới thấy rõ bản chất dân tộc của mình. Nếu một dân tộc không đem lại cho thế giới điều gì cả, thì phải xem đó là tội lỗi của dân tộc, đúng hơn, phải xem nó còn tội tệ hơn cả cái chết, và sẽ không bao giờ được lịch sử nhân loại tha thứ. Mỗi dân tộc có trách nhiệm làm cho cái ưu tú nhất mà nó có trở thành tài sản chung của nhân loại. Tinh thần cao thượng là kho báu của dân tộc, nhưng tài sản thực sự của nó là ở chỗ, biết vượt qua những quyền lợi riêng và mời cả thế giới cùng tham gia vào nền văn hoá tinh thần của nó"³. Với cách nhìn ấy, ông cho rằng, con đường phục hưng văn hoá Ấn Độ không phải là ở chỗ phủ định hay khẳng định truyền thống dân tộc và những yếu tố ngoại lai, mà là sự kết hợp giữa chúng. Mọi khác biệt chỉ là bề mặt, là cái nhất thời, chỉ có sự thống nhất là vĩnh hằng. Năm 1923, trong bài *Một cái nhìn lịch sử Ấn Độ* (A Visison of India's History), R. Tagore viết: "chúng ta sẽ học được rằng, chúng ta có thể vươn tới thế giới lớn lao của loài người không phải bằng cách tự xoá mình đi, mà bằng cách mở rộng bản sắc của chính mình"⁴. Đó là cái nhìn của một nhà tư tưởng lớn, vượt lên những giới hạn chật hẹp của một chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi. Sức sống của một nền văn hoá là biết kế thừa tinh hoa từ hai nguồn truyền thống và hiện đại, dân tộc và nhân

loại, dung hợp cái muôn đời và khoảnh khắc. Lịch sử đã cho thấy, không một nền văn hoá nào trên trái đất này lại tuyệt đối cổ xưa, thuần khiết, và không bị ảnh hưởng của một nền văn hoá nào khác. Sự phát triển văn hoá của một cá nhân hay của một dân tộc không thể nào cắt rời với truyền thống. Bởi lẽ, truyền thống trước hết là sự tích lũy những kinh nghiệm, trí tuệ và sự khôn ngoan của nhiều thế hệ. Tuy nhiên, bên cạnh truyền thống, cùng với truyền thống, sự mở rộng tiếp xúc, giao lưu văn hoá là yếu tố không thể thiếu cho sự phát triển. Cũng như mọi nền văn hoá khác, tầm vóc, sự đóng góp lớn lao của văn hoá Ấn Độ cho nhân loại trước hết là ở bản sắc của nó. Mặt khác, chỉ trong sự hoà hợp với tâm thức nhân loại, Ấn Độ mới có thể làm phong phú thêm bản sắc của chính mình. Nghiên cứu lịch sử Ấn Độ, J. Nehru cho rằng, "Chúng ta có thể đo được sự phát triển và tiến bộ cũng như sự suy thoái của nó bằng cách gắn chúng với những thời kỳ mà Ấn Độ mở mang đầu óc với thế giới bên ngoài với những thời kỳ đóng kín nó lại"⁵. Sự phát triển của một nền văn hoá không nằm trong sự lặp lại hay chối bỏ quá khứ. Nó cần phải đạt được sự cân bằng giữa bên trong và bên ngoài, quá khứ và hiện tại, dân tộc và nhân loại. Đây là một quan điểm có ý nghĩa khai sáng, không chỉ đối với tinh thần Ấn Độ.

Cho đến những năm đầu của thế kỷ XX, ở phương Tây, lý thuyết về "chủng tộc thượng đẳng" đang tồn tại và được nhiều người nói đến. Nó được xem như một điểm tựa để biện minh cho chính sách của thực dân, đế quốc ở các nước thuộc địa. Trên các diễn đàn tư tưởng và trong các tác phẩm của mình, nhà thơ, triết gia

J. Kipling (1865-1936) luôn hô hào duy trì sự tách biệt Đông, Tây. Bởi theo ông, "Đông là Đông, Tây là Tây, không thể nào hoà hợp được". Vượt lên những tư tưởng lỗi thời, phản động ấy, R. Tagore đã chủ trương một tinh thần hoà hợp, tìm đến hợp lưu của mọi nền văn hoá. Ở đó không còn ranh giới Đông, Tây. Tất cả đều hướng tới một mục đích tối thượng là vì sự tiến bộ của con người và cuộc sống. Sự biệt lập Đông, Tây đã lỗi thời và trở thành lực cản cho sự phát triển và tiến bộ xã hội. Chỉ có tinh thần hoà hợp mới đạt tới sự hài hoà cho các lý tưởng Đông, Tây. Trong tác phẩm *Tôn giáo của con người* (The Religion of Man), R. Tagore viết: "Trong sự riêng lẻ, cách biệt, con người là một sinh vật thất bại; chỉ trong mối quan hệ mở rộng với đồng loại, con người mới tìm thấy cái tôi của mình lớn hơn và thật hơn. Thân thể con người với muôn vạn tế bào sinh ra và chết đi, nhưng cái nhân thể, cái chất người bao gồm tất cả mọi người thì bất tử. Trong sự hoà hợp lý tưởng này, con người thực hiện được tính vĩnh cửu trong cuộc đời của mình, và tính vô biên trong tình yêu thương của mình. Sự hoà hợp không trở thành một ý kiến chủ quan đơn thuần mà là một chân lý khách lệ"⁶. Với cách nhìn ấy, năm 1921, trong bài diễn thuyết tại Paris, R. Tagore đã phát đi *Lời tuyên cáo của phương Đông*, kêu gọi một tinh thần đoàn kết, hoà hợp Đông, Tây, cùng hướng tới một mục tiêu hoà bình, bác ái, dân chủ, tự do. Ông đã phân tích một cách sâu sắc sự khác biệt cũng như giới hạn của hai nền văn minh phương Đông và phương Tây. Và theo ông, không có nền văn hóa

nào là tuyệt đối ưu việt. Từ đó, ông chỉ rõ, chỉ có sự liên kết Đông, Tây mới đảm bảo một sự tồn tại và phát triển vững bền cho nhân loại. Trước đó, năm 1916 khi đến Nhật Bản ông đã bày tỏ sự khâm phục của mình trước những thành tựu rực rỡ của công cuộc duy tân do Nhật Hoàng Minh Trị khởi xướng (1868). Để có được những thành tựu đó, theo ông, là "nhờ những mối quan hệ và va chạm với phương Tây" và do người Nhật đã "sống bằng hơi thở của thời đại chứ không phải bằng những thần thoại hão huyền của quá khứ". Thế giới là ngôi nhà chung, đó là thông điệp tư tưởng của R. Tagore, và là điểm gặp gỡ giữa ông với những nhà văn hoá lỗi lạc như J. Nehru, Einstein, R. Rolland.

Cũng như Svamin Vivekananda, R. Tagore đã đến nhiều nước trên thế giới ở cả phương Đông và phương Tây. Ở đâu, ông cũng mang trong mình một ý thức đối thoại nhằm tìm kiếm sự hài hoà cho các lý tưởng Đông - Tây, dân tộc – nhân loại. R. Tagore tận mắt chứng kiến những thành tựu khoa học kỹ thuật ở các nước phương Tây và sự trỗi dậy mạnh mẽ của các nước phương Đông như Nhật Bản. Nhờ đó ông có một cái nhìn sâu sắc hơn về tình trạng lạc hậu, trì trệ của Ấn Độ. Tuy nhiên, ông không hề tỏ ra choáng ngợp, tuyệt đối hoá sức mạnh của khoa học, kỹ thuật phương Tây. Khi bàn về *Thời hiện đại*, R. Tagore đã đưa ra lời cảnh báo: "Hình như phương Tây không ý thức được rằng, khoa học khi cho họ thêm hết sức mạnh này đến sức mạnh khác, thì cũng đang dẫn họ đến tự sát và đang khuyến khích họ chấp nhận sự thách thức của kẻ tay trắng, họ không biết rằng những thách thức đến từ một nguồn

lớn hơn”⁷. Ông phản đối tư tưởng kỹ trị và chủ nghĩa thực dụng đang có nguy cơ lan rộng trong tư tưởng của tầng lớp trí thức Tây học ở Ấn Độ bấy giờ. Sống trong xã hội đô thị, ý thức của họ dường như chỉ hướng tới đời sống vật dục, cắt đứt mối quan hệ với tự nhiên và môi trường sống xung quanh. Thấm một cách tự nhiên, sâu sắc minh triết Ấn Độ, R. Tagore đã chỉ ra rằng, đó thực sự là một thảm họa. Theo ông, mỗi cá nhân cần phải duy trì mối quan hệ khăng khít với thiên nhiên, đồng thời phải li khai phần thần bí, sùng bái thiên nhiên trong triết học, tôn giáo truyền thống. Hoà hợp với thiên nhiên là con đường của sự sống, là thực hiện sự toàn mãn vĩnh hằng. Theo ông, “Con người phải biết rằng, khi nó cắt đứt mọi tiếp xúc sinh khí và thanh tịnh với cõi vô cùng, và chỉ còn kẻ đến tự kỷ mình sống được và mạnh khoẻ ra thôi, thì nó đâm ra điên cuồng, nó tự tiêu tan tan tành chính bản chất của nó”⁸. Trong cái nhìn của ông, Ấn Độ bấy giờ đang rơi vào bi kịch, ngộ nhận trước sức mạnh và vẻ hào nhoáng của văn minh vật chất. Người Ấn đang tự đánh mất mình bởi lối sống thực dụng, coi trọng đời sống vật chất, xem nhẹ đời sống tinh thần - những điều vốn hết sức xa lạ với Ấn Độ truyền thống. Nhận xét về điều này, trong bài nói chuyện ở Trung Quốc năm 1924, R. Tagore cho rằng, “việc đề cao sức mạnh vật chất đã trở nên lỗi thời. Sự phát hiện ra trí tuệ trong con người mới là hiện đại”. Sự phát triển của trí tuệ là thước đo trình độ phát triển và tiến bộ của nhân loại. Tuy nhiên, nhận thức được “sự bất túc của trí tuệ” (Upanishad), R. Tagore đã phản đối mạnh mẽ thái độ sùng bái trí tuệ, tuyệt đối hoá trí tuệ, xem đó là mầm mống cho

những bi kịch của nhân loại. Đây là điểm gặp gỡ trong tư tưởng R. Tagore và Albert Einstein, người đã sớm đưa ra lời cảnh báo “hãy thận trọng, đừng biến trí tuệ thành Chúa của chúng ta” (Take care not to make the intellect our God). Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học thế kỷ XX cũng như những giới hạn của nó trong việc khám phá, chinh phục thiên nhiên là minh chứng cho tính xác thực và sự đúng đắn trong quan điểm trên đây của R. Tagore.

Năm 1938, khi đại chiến thế giới lần thứ hai sắp bùng nổ, R. Tagore đã phát đi thông điệp về sự cần thiết phải đoàn kết các dân tộc để đấu tranh vì một thế giới hoà bình, phát triển. Ông viết: “Tương lai của chúng ta là ở chỗ, biết đoàn kết lực lượng của mình với lực lượng tiến bộ trên trái đất - những người đang khao khát xoá bỏ chế độ người bóc lột người, và sự thống trị của nước này đối với nước khác”⁹. Trước đó, vào những năm đầu của thế kỷ XX, khi lò lửa chiến tranh đang lan rộng đến nhiều nước, thế giới đứng trước nguy cơ bị phân hoá, chia cắt, R. Rolland đã chỉ rõ, chỉ có sự thống nhất Đông - Tây mới đảm bảo cho văn hoá nhân loại một sự phát triển bền vững. Trong phần kết tác phẩm *Cuộc đời Vivekananda*, ông viết: “sự thống nhất ý chí của phương Đông và phương Tây sẽ tạo nên một hình thức tự duy mới, tự do hơn và phong phú hơn”. Và cũng một cái nhìn đó, trong một bức thư gửi cho Kalidas Naga, nhà bác học, nhà văn Ấn Độ (1925), ông viết: “Trong điện Panthéon thờ những linh hồn vĩ đại, người ta dành chỗ cho R. Tagore và M. Gandhi. Mỗi người trong số họ đều cứu vớt một phần đáng kể tài sản chung của loài người chúng ta”¹⁰. Sự gặp gỡ trong tư

tưởng và mối quan hệ tuyệt đẹp giữa Albert Einstein, R. Rolland với R. Tagore là một biểu tượng sinh động cho lý tưởng hoà hợp Đông, Tây. Nhiều quan điểm, tư tưởng của R. Tagore về mối quan hệ giữa dân tộc và nhân loại, truyền thống và hiện đại trong việc bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc vẫn vẹn nguyên ý nghĩa trong bối cảnh toàn cầu hóa ngày nay.

Chú thích

1. R. Tagore, 1973. *Thực hiện toàn mãn*, (Nguyễn Ngọc Thơ dịch), Nxb. An Tiêm, Sài Gòn, tr.257.
2. J. Nehru, 1999. *Phát hiện Ấn Độ*, tập 2, Nxb. Văn học, Hà Nội, tr.203.
3. Nguyễn Văn Hạnh, 2006. *Rabindranath Tagore với thời kỳ phục hưng Ấn Độ*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.62.
4. Tagore, R. *Collected Poems and Play*, London, Macmillan & CoLTD, p. 195.
5. J. Nehru, 1999. *Phát hiện Ấn Độ*, tập 2, Nxb. Văn học, Hà Nội, tr.82.
6. Tagore, R. *Collected Poems and Play*, London, Macmillan & CoLTD, p. 256
7. R. Tagore, 2004. *Tuyển tập*, tập 2, Nxb. Lao Động & Trung tâm văn hoá ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội, tr.415.
8. R. Tagore, 1973. *Thực hiện toàn mãn*, (Nguyễn Ngọc Thơ dịch), Nxb. An Tiêm, Sài Gòn, tr.25.
9. R. Tagore, 1984. *Tuyển tập*, tập 1 (Tiếng Nga), Nxb. Văn học nghệ thuật, Matxcova, tr.27.
10. Chuyển dẫn từ Lưu Đức Trung, *Romain Rolland với Rabindranath Tagore*, TBKH, Đại học Sư phạm số 3, 1999, tr.89.